CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

Nghị định
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số .../.../....;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 4 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

"b) Khi khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản nhưng không giao dịch trong thời gian 6 tháng liên tục trước đó thực hiện ~~giao dịch~~ ***một giao dịch hoặc nhiều giao dịch để*** nộp, rút hoặc chuyển khoản có tổng giá trị từ 400.000.000 đồng hoặc bằng ngoại tệ có giá trị tương đương trở lên trong một ngày trừ ***giao dịch quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này,*** giao dịch tất toán hoặc rút lãi tiết kiệm, trả nợ thẻ tín dụng, trả nợ khoản cấp tín dụng cho tổ chức tài chính, khoản thanh toán định kỳ ***hoặc theo kỳ hạn/thời điểm*** đã đăng ký với tổ chức tài chính, giao dịch rút lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán, đầu tư trái phiếu;".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

"c) Khi khách hàng hoặc giao dịch của khách hàng, ***bao gồm cả giao dịch chưa hoàn thành***, hoặc giao dịch của các bên liên quan đến giao dịch có một hoặc nhiều dấu hiệu quy định tại các Điều 27, 28, 29, 30, 31 ***và 33a*** của Luật Phòng, chống rửa tiền hoặc dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo xác định;

Giao dịch chưa hoàn thành là giao dịch mà khách hàng có ý định thực hiện hoặc đã thực hiện các bước chuẩn bị nhưng chưa hoàn thành, bao gồm cả trường hợp khách hàng từ bỏ giao dịch khi đối tượng báo cáo thực hiện nhận biết khách hàng hoặc truy vấn về mục đích giao dịch;".

3. Bổ sung điểm đ và e khoản 1 như sau:

"***đ) Khi khách hàng không có tài khoản, ví tài sản mã hóa hoặc có tài khoản, ví tài sản mã hóa nhưng không giao dịch trong thời gian 6 tháng liên tục trước đó thực hiện một giao dịch hoặc nhiều giao dịch tài sản mã hóa có tổng giá trị quy đổi tương đương 1.000 đô la Mỹ trở lên trong một ngày;***

e) Khi có sự thay đổi thông tin trong thỏa thuận pháp lý đối với trường hợp khách hàng tham gia thỏa thuận pháp lý".

4. Bổ sung khoản 8, khoản 9, khoản 10 như sau:

"***8. Đối tượng báo cáo được từ chối mở tài khoản, thiết lập mối quan hệ kinh doanh, thực hiện giao dịch hoặc chấm dứt mối quan hệ kinh doanh với khách hàng trong các trường hợp sau:***

a. Không thể nhận dạng khách hàng do khách hàng từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ.

b. Có nghi ngờ về tính chính xác của thông tin nhận dạng do khách hàng cung cấp.

9. Sau lần đầu thiết lập mối quan hệ với khách hàng, đối với khách hàng rủi ro thấp, đối tượng báo cáo có thể hoàn tất việc xác minh sau khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Việc xác minh phải được hoàn thành trong thời gian không quá 10 ngày làm việc. Đối tượng báo cáo phải xây dựng nội dung về các điều kiện mà khách hàng có thể sử dụng sản phẩm, dịch vụ trước khi xác minh trong quy trình quản lý rủi ro.

10. Trong quá trình nhận biết khách hàng, trường hợp đối tượng báo cáo nghi ngờ liên quan đến rửa tiền và có cơ sở hợp lý để tin rằng việc tiếp tục thực hiện quy trình nhận biết khách hàng sẽ dẫn đến việc tiết lộ thông tin cho khách hàng thì đối tượng báo cáo có quyền không tiếp tục thực hiện quy trình nhận biết khách hàng và phải xem xét, thực hiện báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 26 của Luật Phòng, chống rửa tiền.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

"**Điều 7. Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi**

1. ***Chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là cá nhân được xác định như sau:*** ~~Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là cá nhân như sau:~~

a) Trường hợp khách hàng mở tài khoản, đối tượng báo cáo xác định ***một hoặc nhiều*** cá nhân sở hữu ***cuối cùng trên*** thực tế tài khoản hoặc ***kiểm soát cuối cùng trên thực tế*** hoạt động của tài khoản đó;

b) Trường hợp khách hàng thiết lập mối quan hệ ***hoặc thực hiện giao dịch*** với đối tượng báo cáo, đối tượng báo cáo xác định một hoặc nhiều cá nhân ~~thiết lập mối quan hệ và/hoặc~~ ***cuối cùng trên*** thực tế chi phối mối quan hệ, ***giao dịch*** đó.

~~2. Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là~~

~~tổ chức như sau:~~

~~a) Đối tượng báo cáo xác định cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức đó hoặc cá nhân cuối cùng có quyền chi phối đối với khách hàng là tổ chức;~~

~~b) Trường hợp không xác định được cá nhân theo quy định tại điểm a khoản này, đối tượng báo cáo xác định ít nhất một người đại diện theo pháp luật của tổ chức, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong tổ chức;~~

~~c) Trường hợp tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài, đồng thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức đã được công bố, đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân được công bố đó.~~

2. Chủ sở hữu hưởng lợi đối với khách hàng là tổ chức được xác định như sau:

a) Cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng.

Cá nhân sở hữu gián tiếp là cá nhân sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng thông qua tổ chức hoặc thỏa thuận pháp lý khác. Đối tượng báo cáo phải rà soát từng tầng trong cấu trúc sở hữu của khách hàng để xác định chủ sở hữu hưởng lợi.

Trường hợp nhóm cá nhân có liên quan đến nhau thông qua mối quan hệ nhân thân hoặc hợp đồng có tổng sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc vừa trực tiếp và gián tiếp từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của khách hàng, đối tượng báo cáo xác định các cá nhân trong nhóm này là chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng;

b) Khi không có cá nhân hoặc nhóm cá nhân nào được xác định theo tiêu chí tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc khi có nghi ngờ các cá nhân đã được xác định theo tiêu chí tại điểm a khoản 2 Điều này không phải là Chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng, đối tượng báo cáo xác định cá nhân kiểm soát khách hàng thông qua các phương thức khác theo pháp luật hoặc trên thực tế. Việc kiểm soát được thực hiện thông qua một hoặc nhiều quyền như: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng quản trị, đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng

thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc, các cơ quan quản trị, điều hành khác của tổ chức; sửa đổi, bổ sung điều lệ của tổ chức; thay đổi cơ cấu tổ chức; quyết định chính sách tài chính, đầu tư và hoạt động của tổ chức; tổ chức lại, giải thể tổ chức;

c) Trong trường hợp không có cá nhân, nhóm cá nhân nào được xác định theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này, đối tượng báo cáo xác định cá nhân giữ vị trí quản lý cấp cao có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt cho tổ chức, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong tổ chức;

d) Trường hợp tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài mà đối tượng báo cáo có thể khai thác được thông tin chủ sở hữu hưởng lợi, đồng thời thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức đã được công bố, đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân được công bố đó.

3. Chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng là quỹ (được thành lập theo pháp luật nước ngoài) bao gồm các cá nhân giữ vai trò: sáng lập viên, thành viên Hội đồng quản lý quỹ, người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, và bất kỳ cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện quyền kiểm soát cuối cùng theo pháp luật hoặc trên thực tế đối với quỹ.

Trường hợp một trong các vai trò quy định nêu trên do một tổ chức hoặc thỏa thuận pháp lý nắm giữ thì chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức hoặc thỏa thuận pháp lý đó được xác định là chủ sở hữu hưởng lợi của quỹ.

Trường hợp người thụ hưởng của quỹ được chỉ định theo tiêu chí hoặc theo nhóm, đối tượng báo cáo xác định các tiêu chí về người hoặc nhóm người thụ hưởng của quỹ để có thể xác định được danh tính của người thụ hưởng tại thời điểm chi trả.

~~3.Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi đối với thỏa thuận pháp lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền.~~

4. Chủ sở hữu hưởng lợi đối với thỏa thuận pháp lý được xác định như sau:

a) Đối với thỏa thuận pháp lý dưới hình thức ủy thác, chủ sở hữu hưởng lợi bao gồm: người ủy thác, người nhận ủy thác, người thụ hưởng

hoặc nhóm người thụ hưởng, người thụ hưởng tiềm năng, người giám sát (nếu có) và bất kỳ cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát cuối cùng theo pháp luật hoặc trên thực tế đối với ủy thác.

Trường hợp người thụ hưởng của thỏa thuận pháp lý được chỉ định theo tiêu chí hoặc theo nhóm, đối tượng báo cáo xác định các tiêu chí về người hoặc nhóm người thụ hưởng của thỏa thuận pháp lý để có thể xác định được danh tính của người thụ hưởng tại thời điểm chi trả, thời điểm người thụ hưởng có ý định thực hiện các quyền đã được xác lập, thời điểm kết thúc giai đoạn tích lũy hoặc thời điểm bên nhận ủy thác thực hiện quyền tự quyết theo thỏa thuận;

b) Đối với thỏa thuận pháp lý dưới hình thức khác có bản chất tương tự ủy thác, chủ sở hữu hưởng lợi bao gồm những người giữ vai trò tương đương như đối với hình thức ủy thác nêu tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Trường hợp các bên có liên quan trong thỏa thuận pháp lý là pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý, đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý đó.

5. ***Chủ sở hữu hưởng lợi đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là cá nhân thực tế thụ hưởng quyền lợi của người được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.***

~~Đối tượng báo cáo xác định chủ sở hữu hưởng lợi của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là cá nhân thực tế thụ hưởng quyền lợi của người được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.~~”

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

CHÍNH PHỦ

Nơi nhận: